

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI
BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
GPKD: 28/GP/KDBH do BTC cấp ngày
15/11/2004

Số: 09/2019/NQ-ĐHDCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- ≡ -----

Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ:

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ngày 24 tháng 4 năm 2019;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty Deloitte Việt Nam:

1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2018: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.456.010.767.070 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.812.197.654.904 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.661.557.380.832 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.733.572.296.928 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018 (VND)
Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm	1.802.718.232.456
▪ Doanh thu phí nhận không bao gồm hoạt động thí điểm Bảo hiểm Nông nghiệp (BHNN)	1.651.471.980.448
▪ Doanh thu phí nhận hoạt động thí điểm BHNN	0
Phí giữ lại	784.786.428.263
▪ Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	784.741.146.563
▪ Phí giữ lại hoạt động thí điểm BHNN	45.281.700

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác	260.249.437.033
Lợi nhuận trước thuế	315.679.806.761
▪ Trong đó, lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá (<i>không được dùng để chia cổ tức</i>)	5.377.691.054

Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.

1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018: Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 6.673.926.262.455 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.986.419.487.636 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nợ ứng TBH: 1.661.557.380.832 VND*
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.733.572.296.928 VND*

Điều 2: Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2018, nội dung chủ yếu như sau:

2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện:

Chỉ tiêu lợi nhuận	Số tiền (VND)
Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2018	355.012.422.918
▪ Lợi nhuận được phân phối	283.946.553.382
▪ Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	71.065.869.536
Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018	261.454.081.113
▪ Lợi nhuận được phân phối	256.076.390.059
▪ Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	5.377.691.054
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2018	616.466.504.031
▪ Lợi nhuận được phân phối	540.022.943.441
▪ Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	76.443.560.590

2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2018:

Phân phối lợi nhuận sau thuế 2018	Số tiền (VND)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc (<i>5% Lợi nhuận sau thuế hàng năm</i>)	4.877.597.594

28
 CÔNG
 CỔ
 ÁI B
 QU
 VI
 ĐÁNH

<i>cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% Vốn điều lệ)</i>	
Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh (2% Lợi nhuận sau thuế)	5.121.527.801
Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	3.841.145.851
Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)	4.026.599.888
Chi trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 12%)	157.291.124.400
Giảm lợi nhuận sau thuế phân tài sản thuế TNDN hoãn lại	421.202.827
Lợi nhuận còn lại	440.887.305.670
▪ Lợi nhuận được phân phối	364.443.745.080
▪ Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	76.443.560.590

(Mức trích lập các quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 và sửa đổi một số điểm theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008)

Điều 3: Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2018: **2.490.000.000 VND**. (Mức chi thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ).

Điều 4: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị Tr. VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1.967.000	1.802.718	9,1%
Phí giữ lại	944.600	784.741	20,4%
Lợi nhuận trước thuế	331.000	315.680	4,9%
- Chênh lệch tỷ giá (không được phân phối)	(chưa xác định)	5.378	
- Lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá (không được phân phối)	331.000	310.302	6,7%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	12%	12%	

Điều 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2018 (báo cáo đính kèm).

Điều 6: Thông qua Báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát 2018 (báo cáo đính kèm).

Điều 7: Sửa đổi Điều 9 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VINARE như sau: Bỏ khoản 3 quy định về “Cổ phần Bị Hạn Chế”.

Điều 8: Phê chuẩn việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sau đây:

- Ông Martyn Parker – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Beat Schnegg – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Vĩnh Đức – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Phan Kim Bằng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Deepak Mohan – Thành viên Ban Kiểm soát

Điều 9: Phê chuẩn ông Vũ Anh Tuấn giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị VINARE nhiệm kỳ 2015 – 2019.

Điều 10: Phê chuẩn ông Nguyễn Xuân Việt giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị VINARE nhiệm kỳ 2015 – 2019.

Điều 11:

11.1 Thông qua việc điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2015-2020 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng Phí nhận 2015-2020: 5,8%/năm
- Tốc độ tăng trưởng Phí giữ lại 2015-2020: 13%/năm
- Tỷ lệ Combined ratio bình quân: 93%
- ROE bình quân: 9%

11.2 Tạm thời ghi nhận Vốn điều lệ 1.310 tỷ VND ở thời điểm hiện tại. Trong trường hợp cần thiết và điều kiện thuận lợi phát hành bổ sung, Tổng công ty sẽ báo cáo sau.

11.3 Tiếp tục thực hiện chủ trương phát triển và các giải pháp đã đề ra trong định hướng phát triển VINARE giai đoạn 2015-2020 đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11.4 Tổng Công ty tiếp tục nghiên cứu và xây dựng định hướng phát triển VINARE giai đoạn 2021-2025.

Điều 12: Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2019:

12.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2019, bao gồm các công ty sau:

- a. Công ty KPMG Việt nam
- b. Công ty Deloitte Việt Nam
- c. Công ty Ernst & Young Việt Nam
- d. Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam

12.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để sử dụng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Điều 13: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 4 năm 2019. Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGĐ
- Lưu: Thư ký HĐQT, KT, ĐT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Song Lai